

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 119

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

Pháp hội 48: THẮNG MAN PHU NHÂN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ, vua nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc và Mạt-lợi phu nhân mới chứng đạo pháp xong cùng bàn nhau rằng:

–Thắng Man! Con gái chúng ta tư chất thông minh, căn tánh lanh lợi, nếu như được gặp Đức Như Lai thì ở nơi pháp sâu xa sẽ có thể mau thấu hiểu, không còn các sự nghi hoặc. Chúng ta nên tìm người khéo khuyến dụ làm cho con gái phát khởi lòng thành tín.

Bàn luận xong, vua và phu nhân viết thư khen ngợi công đức chân thật của Như Lai, sai quan Chân-đề-la làm sứ giả mang thư đến thành Vô đầu trao cho Thắng Man phu nhân.

Sau khi xem thư của cha mẹ, Thắng Man phu nhân vui mừng thành kính tin theo, rồi quay sang Chân-đề-la mà nói kệ:

*Tôi nghe danh tiếng Phật
Thế gian khó được gặp!
Nếu như lời chân thật
Sẽ ban người y phục.
“Nếu Đức Phật Thế Tôn
Vì thế gian xuất hiện
Xin rủ lòng xót thương
Cho con thấy chân tướng!”
Khi khởi ý niệm này,
Phật hiện ngay trên không
Hiện bày thân tuyệt vời
Hào quang chiếu sáng khắp.
Thắng Man cùng quyến thuộc
Đều cùng đến chiêm ngưỡng
Chấp tay đánh lễ Phật
Tán thán Đại Đạo Sư:
“Như Lai thân sắc đẹp
Thế gian không ai bằng
Thật chẳng thể nghĩ bàn
Thế nên nay kính lạy,
Thân Như Lai vô tận
Trí tuệ cũng như vậy*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Tất cả pháp thường trụ
Vì thế con quy y.
Hàng phục tâm tội lỗi
Cùng bốn thứ nơi thân
Đạt Địa chẳng nghĩ bàn,
Thế nên con kính lạy.
Biết các pháp sở tri
Thân và trí vô ngại
Nơi pháp không quên mất
Vì thế con kính lạy.
Cúi lạy Đấng Vô Lượng
Cúi lạy Đấng Vô Đẳng
Cúi lạy Đấng Pháp Vương
Cúi lạy Đấng Nan Tư!
Mong thương gia hộ con
Cho giống pháp thêm lớn
Mãi đến thân rốt sau
Thường ở tại trước Phật
Bao nhiêu phước con tu
Đời này và đời khác
Do sức căn lành này
Mong Phật luôn điu dắt.”*

Nói kệ xong, Thắng Man phu nhân cùng quyến thuộc và tất cả đại chúng đánh lễ chân Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Thắng Man phu nhân mà nói kệ rằng:

*Xưa ta vì Bồ-đề
Đã từng khai thị người
Nay người lại gặp ta
Đến đời sau cũng vậy.*

Nói kệ xong, Đức Phật ở giữa chúng hội thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác cho Thắng Man:

–Nay người ca ngợi công đức thù thắng của Như Lai, do căn lành này, người sẽ ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp làm vua tự tại trong hàng trời, người đầy đủ đồ thọ dụng. Người sinh tại chỗ nào cũng thường được gặp Phật cúng dường khen ngợi như nay không khác. Người còn sẽ cúng dường vô lượng, vô số chư Phật Thế Tôn. Quá hai vạn a-tăng-kỳ kiếp người sẽ thành Phật hiệu Phổ Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước của Phật Phổ Quang ấy không có các ác đạo suy già, bệnh khổ, cũng không có danh từ bất thiện ác nghiệp đạo, chúng sinh cõi ấy hình sắc đoan nghiêm, đủ cảnh đẹp cõi trời, thuần thọ hưởng vui sướng hơn cả trời Tha hóa tự tại. Chúng sinh cõi giới ấy đều hưởng về Đại thừa, ai học Đại thừa như vậy đều sinh về quốc độ ấy.

Khi Thắng Man phu nhân được thọ ký xong, có vô lượng trời, người sinh lòng vui mừng hơn hờ đều nguyện sinh về thế giới của Phật Phổ Quang. Đức Thế Tôn đều thọ ký cho họ sẽ được sinh cõi nước ấy.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Được nghe Đức Phật thọ ký xong, Thắng Man phu nhân chấp tay đứng trước Phật phát mười hồng thệ:

–Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh tâm niệm phạm nơi giới đã được thọ trì.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng kiêu mạn đối với các bậc Sư trưởng.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng giận hờn đối với các chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng đố kỵ với người hơn mình và sợ hơn mình.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng bòn sẻn, dù chỉ có ít thức ăn.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng vì mình mà nhận chứa của cải. Nếu có nhận chứa thì chỉ vì cứu tế loài hữu tình nghèo khổ.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con hành bốn Nhiếp pháp mà chẳng cầu báo ân, không lòng tham lợi, không lòng nhàm đủ, không lòng hạn ngại, luôn nhiếp thọ chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, thấy có chúng sinh nào không chỗ nương tựa, bị giam cầm trói buộc bệnh tật khổ não các thứ nguy ách, thì con trọn chẳng bỏ lia họ, quyết mong cho họ được an ổn đem lợi ích lành cho họ.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, nếu con thấy có ai hủy phạm cấm giới thanh tịnh của Đức Như Lai, nếu thuộc về thành ấp, tụ lạc của con quản nhiếp, kẻ đáng điều phục con sẽ điều phục, kẻ đáng nhiếp thọ con sẽ nhiếp thọ. Vì sao? Vì điều phục nhiếp thọ kẻ phá giới thì làm cho chánh pháp được dài lâu, chánh pháp còn dài lâu thì trời, người đông đúc, mà ác đạo giảm ít có thể làm cho pháp luân của Như Lai được thường chuyển.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con nhiếp thọ chánh pháp không để quên mất. Nếu quên mất Đại thừa, thì quên Ba-la-mật-đa, nếu quên Ba-la-mật-đa thì quên Đại thừa. Nếu các Bồ-tát chẳng quyết định nơi Đại thừa thì nhiếp thọ chánh pháp không được bền vững thì chẳng kham siêu việt bậc phàm phu, là mất mát lớn.

Bạch Thế Tôn! Hiện tại và vị lai các Bồ-tát nhiếp thọ chánh pháp phát hồng thệ này thì đầy đủ vô biên lợi ích rộng lớn.

Đức Thế Tôn dù là chứng biết mà các loài hữu tình căn lành kém mỏng hoặc phát khởi lười nghi, do đây nên mười hồng thệ khó thành tựu được, họ sẽ mãi mãi chứa hợp các pháp bất thiện, phải chịu những khổ não. Vì lợi ích cho các chúng sinh ấy nên nay con ở trước Đức Phật phát thệ thành thật.

Bạch Thế Tôn! Nay con phát mười hồng thệ ấy nếu là chân thật chẳng hư dối thì trên đại chúng đây sẽ mưa hoa trời phát âm thanh cõi trời.

Thắng Man phu nhân ở trước Đức Phật nói vừa dứt lời, trên hư không liền mưa hoa trời và phát ra âm thanh trời rằng:

–Lành thay, lành thay! Như lời thệ của Thắng Man phu nhân chân thật không sai khác.

Bấy giờ, chúng hội thấy cảnh lành này dứt lòng nghi hoặc rất đổi vui mừng đồng thanh xưng rằng: “Nguyện cùng Thắng Man phu nhân sinh nơi nào đều đồng một nguyện hạnh.”

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đức Phật thọ ký cho tất cả đại chúng ấy đều mãn sở nguyện.

Thắng Man phu nhân lại ở trước Phật phát ba hoàng thệ nguyện, do nguyện lực này mà lợi ích vô biên loài hữu tình.

Điều nguyện thứ nhất: Con do căn lành trong tất cả đời được chánh pháp trí.

Điều nguyện thứ hai: Chỗ con sinh nếu con được chánh trí rồi vì các chúng sinh diễn thuyết không hề mệt.

Điều nguyện thứ ba: Con vì nhiếp thọ hộ trì chánh pháp nên đối với thân thể không tiếc sinh mạng.

Đức Phật nghe ba điều nguyện xong, bảo Thắng Man phu nhân rằng:

–Như tất cả hình sắc đều nhập vào không giới, hằng sa điều nguyện của Bồ-tát đều nhập vào ba nguyện ấy. Ba nguyện ấy chân thật rất rộng lớn.

Thắng Man phu nhân lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ nương sức oai thần biện tài của Đức Phật muốn nói đại nguyện, mong Đức Thế Tôn thương mà hứa khả cho.

Đức Phật dạy:

–Này Thắng Man! Cho phép người nói.

Thắng Man phu nhân nói:

–Bồ-tát có hằng hà sa điều nguyện, tất cả đều nhập vào trong một đại nguyện, đó là nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp như vậy chân thật rộng lớn.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Này Thắng Man! Người từ lâu tu tập trí tuệ phương tiện sâu xa vi diệu. Có ai hiểu rõ ý nghĩa của người nói, người này đã vun trồng cõi lành từ lâu.

Này Thắng Man! Nhiếp thọ chánh pháp như người đã nói, đều là quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đã nói, sẽ nói, nay nói. Ta được Vô thượng Bồ-đề cũng thường dùng nhiều thứ tướng để nói nhiếp thọ chánh pháp. Ca ngợi nhiếp thọ chánh pháp như vậy được công đức không ngần mé. Như Lai trí tuệ cũng không ngần mé. Vì sao? Vì nhiếp thọ chánh pháp đây có đại công đức có đại lợi ích.

Thắng Man phu nhân bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ nương thần lực của Đức Phật mà nói nghĩa nhiếp thọ chánh pháp rộng lớn.

Đức Phật dạy:

–Này Thắng Man! Cho phép người nói.

Thắng Man phu nhân nói:

–Nghĩa nhiếp thọ chánh pháp rộng lớn là vì được vô lượng tất cả Phật pháp cho đến hay nhiếp tám vạn hành môn.

Ví như kiếp sơ nổi lên các sắc mây mưa các trận mưa báu. Cũng vậy, mây căn lành nhiếp thọ chánh pháp hay mưa các trận mưa vô lượng phước báu.

Ví như kiếp sơ trong Đại thủy hay sinh tam thiên đại thiên giới tạng và bốn trăm ức các thứ loại lục địa. Cũng vậy, nhiếp thọ chánh pháp xuất sinh Đại thừa vô lượng giới tạng cùng các thứ thần thông lực các thứ pháp môn của Bồ-tát, thế gian và xuất thế gian đầy đủ an lạc mà tất cả trời, người chưa từng có.

Ví như đại địa mang chịu bốn gánh nặng. Đó là biển cả, núi non, cây cỏ và chúng sinh. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp thì có thể kham được bốn trọng nhiệm hơn đại địa kia. Đó là đối với các loài hữu tình rời xa bạn lành không nghe pháp phạm các tội lỗi thì dùng căn lành trời, người để thành thực họ, với kẻ cầu Thanh

văn, dạy họ Thanh văn thừa, với kẻ cầu Duyên giác dạy họ Duyên giác thừa và với kẻ cầu Đại thừa dạy họ Đại thừa.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp như vậy thì kham được bốn trọng nhiệm hơn cả đại địa, khắp vì chúng sinh làm bạn lành chẳng chờ mồi, đại Bi thương xót làm lợi ích cho các loài hữu tình, là mẹ pháp của thế gian.

Ví như đại địa là chỗ sản sinh bốn thứ báu: Đó là các báu vô giá, thượng giá, trung giá và hạ giá. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp, các hữu tình gặp rồi thì được bốn báu lớn thù thắng nhất trong các thứ báu, đó là các hữu tình gặp bạn lành này rồi thì hoặc được căn lành trời, người, hoặc chứng Thanh văn, chứng Bích-chi-phật và hoặc được căn lành công đức Vô thượng thừa.

Bạch Thế Tôn! Xuất sinh báu lớn ấy thì gọi là chân thật nhiếp thọ chánh pháp.

Bạch Thế Tôn! Nói nhiếp thọ chánh pháp là chánh pháp không sai khác, nhiếp thọ chánh pháp không sai khác là nhiếp thọ chánh pháp.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật-đa không sai khác, nhiếp thọ Ba-la-mật-đa không sai khác là nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp là Ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp, nếu đáng dùng bố thí để thành thực thì dùng bố thí cho đến xả thân mạng tùy thuận ý họ để thành thực họ cho họ an trụ nơi chánh pháp, đây gọi là Bố thí ba-la-mật-đa.

Nếu đáng dùng giới luật để thành thực thì thủ hộ sáu căn tịnh thân, ngữ, ý cho đến oai nghi tùy thuận ý họ mà thành thực họ cho hữu tình ấy an trụ chánh pháp, đây gọi là Giới ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng nhẫn nhục để thành thực, thì hoặc có bị người ấy mắng chửi hủy nhục chê bai não loạn liền dùng lòng không giận hờn và lòng làm lợi ích cùng sức nhẫn tối thượng cho đến nhan sắc cũng chẳng đổi khác tùy thuận ý người ấy để thành thực họ cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Nhẫn ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng tinh tấn để thành thực thì đối với người ấy chẳng sinh lòng giải đãi hạ liệt, mà khởi lòng thích muốn tinh tấn tối thượng, trong bốn oai nghi tùy thuận ý người ấy mà thành thực họ cho họ an trụ chánh pháp, đây là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng tĩnh lự để thành thực thì dùng tâm không tán loạn thành thực chánh niệm, việc đã làm trọn chẳng quên mất tùy thuận ý họ mà thành thực họ cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng trí tuệ để thành thực, người ấy vì lợi ích mà hỏi các pháp nghĩa thì dùng lòng không mồi chán mà vì họ diễn nói tất cả các luận tất cả Minh xứ cho đến các thứ Công xảo xứ cho được cứu cánh, tùy thuận ý người ấy mà thành thực họ, cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Thế nên Ba-la-mật-đa không sai biệt, nhiếp thọ chánh pháp không sai biệt, nhiếp thọ chánh pháp tức là Ba-la-mật-đa.

Thắng Man phu nhân lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con nương sức oai thần biện tài của Đức Phật sẽ nói về đại nghĩa. Mong Thế Tôn hứa khả.

Đức Phật dạy:

–Này Thắng Man! Ta cho phép người nói.

Thắng Man phu nhân nói:

–Bạch Thế Tôn! Nhiếp thọ chánh pháp là nhiếp thọ chánh pháp không sai khác.

Nhiếp thọ chánh pháp không sai khác là nhiếp thọ chánh pháp. Thiện nam, thiện nữ phải nhiếp thọ chánh pháp như vậy. Nếu thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp vì chánh pháp mà xả bỏ thân mạng tài sản. Do xả bỏ thân thể nên những người ấy chứng sinh tử tối hậu lìa xa già, bệnh được Pháp thân Như Lai chẳng hư hoại thường hằng không biến đổi cứu cách tịch tĩnh chẳng thể nghĩ bàn. Do xả bỏ sinh mạng nên những người ấy chứng sinh tử tối hậu lìa hẳn sự chết được vô biên thường trụ, thành tựu các công đức lành chẳng thể nghĩ bàn, an trụ nơi tất cả Phật pháp thần biến, do xả bỏ tài sản nên những người ấy chứng sinh tử tối hậu vượt qua khỏi hữu tình không cùng tận, không tổn giảm quả báo viên mãn có đủ công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, được các loài hữu tình tôn trọng cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp xả bỏ thân mạng tài được chư Như Lai thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Lúc chánh pháp sắp diệt, có hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kết bè kết đảng phát khởi những tranh tụng, nếu thiện nam, thiện nữ dùng lòng chẳng siểm khúc chẳng khi dối mền thích chánh pháp nhiếp thọ chánh pháp mà vào trong nhóm bạn lành, người vào nhóm bạn lành này tất được chư Phật thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Con thấy người nhiếp thọ chánh pháp có sức mạnh lớn như vậy, Đức Như Lai dùng làm con mắt dùng làm cội gốc pháp, dùng làm pháp dẫn đạo, dùng làm pháp thông đạt.

Đức Thế Tôn nghe Thắng Man phu nhân nói về nhiếp thọ chánh pháp có đại oai lực thì khen rằng:

—Đúng như vậy, đúng như vậy! Lành thay! Nay Thắng Man! Đúng như lời người nói, nhiếp thọ chánh pháp có oai lực lớn.

Như đại lực sĩ hơi chạm chà bóp ai thì người ấy đau đớn khổ lắm còn thêm bệnh nặng. Cũng vậy, giả sử chút phần nhiếp thọ chánh pháp cũng làm cho ma Ba-tuần đau đớn sâu não khóc rên than thở.

Này Thắng Man! Ta thường chẳng thấy một thiện pháp nào khác làm cho ma sâu não bằng nhiếp thọ chánh pháp một ít phần.

Này Thắng Man! Ví như ngư vương hình sắc đoan chánh thân lượng đặc biệt lạ hơn hẳn các loài trâu khác. Cũng vậy, người tu Đại thừa nếu ít phần nhiếp thọ chánh pháp thì hơn hẳn tất cả pháp lành của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Lại như núi Tu-di cao rộng trang nghiêm xinh đẹp hơn các núi khác, cũng vậy, người mới đến Đại thừa dùng lòng lợi ích chẳng màng đến thân mạng mà nhiếp thọ chánh pháp thì có thể vượt hơn tất cả căn lành của người ở lâu nơi Đại thừa mà đoái tiếc thân mạng.

Này Thắng Man! Thế nên phải dùng nhiếp thọ chánh pháp mà khai hóa tất cả hữu tình. Nhiếp thọ chánh pháp được phước lợi lớn và quả báo lớn.

Này Thắng Man! Trong vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta ca ngợi nhiếp thọ chánh pháp như vậy được công đức vô lượng, vô biên. Nhiếp thọ chánh pháp thì thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Đức Phật bảo Thắng Man phu nhân:

—Nay người lại nên diễn tả nhiếp thọ chánh pháp đã được ta nói mà tất cả chư Phật đồng ưa thích.

Thắng Man phu nhân bạch:

—Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nhiếp thọ chánh pháp thì gọi là Đại thừa. Vì sao? Vì

Đại thừa xuất sinh bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh văn, Duyên giác, thế gian và xuất thế gian.

Như ao A-nậu-đạt phát xuất tám sông lớn, cũng vậy, Đại thừa xuất sinh bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Lại như tất cả cây cỏ lùm rừng đều nương đại địa mà được sinh trưởng, cũng vậy, tất cả pháp lành của Thanh văn, Duyên giác đều nương Đại thừa mà được sinh trưởng. Vì thế nên an trụ Đại thừa, nhiếp thọ Đại thừa, tức là trụ và nhiếp bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh văn, Duyên giác, thế gian và xuất thế gian.

Như Đức Phật Thế Tôn đã nói sáu xứ: Đó là Chánh pháp trụ, Chánh pháp diệt, Biệt giải thoát, Tỳ-nại-gia, Chánh xuất gia, thọ Cụ túc. Vì Đại thừa mà Đức Phật nói sáu xứ ấy. Vì sao? Vì chánh pháp trụ là vì Đại thừa mà nói, Đại thừa trụ thì Chánh pháp trụ. Chánh pháp diệt là vì Đại thừa mà nói, Đại thừa diệt thì chánh pháp diệt. Biệt giải thoát và Tỳ-nại-da, hai pháp này tên khác mà nghĩa một. Tỳ-nại-da là Đại thừa học. Vì sao? Vì Phật mà xuất gia, thọ Cụ túc, thế nên khối giới Đại thừa là Tỳ-nại-da, là Chánh xuất gia, là thọ Cụ túc.

Bạch Thế Tôn! A-la-hán không có xuất gia không thọ Cụ túc. Vì sao? Vì A-la-hán chẳng vì Như Lai mà xuất gia thọ Cụ túc. A-la-hán có ý tưởng sợ hãi mà quy y Như Lai. Vì sao? Vì đối với tất cả hành A-la-hán có tưởng sợ hãi coi như người cầm kiếm muốn đến hại mình, do đây nên A-la-hán chẳng chứng được giải thoát an lạc cứu cánh.

Bạch Thế Tôn! Quy y nơi chẳng cầu quy y, như các chúng sinh không chỗ quy y, chúng nó sợ hãi nên tìm nơi quy y để được an ổn. Cũng vậy, vì có sợ hãi mà A-la-hán quy y nơi Như Lai.

Vì thế nên hàng A-la-hán, Bích-chi-phật còn có sinh pháp, chưa lập phạm hạnh, chỗ làm chưa xong, sẽ còn có chỗ dứt diệt vì chưa cứu cánh. Họ còn cách xa Niết-bàn. Vì sao? Vì chỉ có Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác chứng được Niết-bàn thành tựu vô lượng, vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, chỗ đáng dứt đã dứt hết cứu cánh thanh tịnh, được các loài hữu tình chiêm ngưỡng, vượt quá cảnh giới của Nhị thừa và Bồ-tát. Còn hàng A-la-hán thì chẳng phải như vậy. Nói rằng A-la-hán được Niết-bàn đó chỉ là phương tiện của Phật thôi. Thế nên A-la-hán cách Niết-bàn rất xa.

Đức Thế Tôn nói A-la-hán và Bích-chi-phật quán sát giải thoát bốn trí cứu cánh được rồi xong đó, đều là lời Tùy tha ý và thuyết Bất liễu nghĩa của Như Lai. Tại sao vậy? Có hai loại chết: Một là Phần đoạn, hai là Biến dịch. Chết phần đoạn là hữu tình tương tục, chết biến dịch là A-la-hán và Bích-chi-phật cùng bậc tự tại Bồ-tát được ý sinh thân cho đến Bồ-đề. Trong hai thứ chết ấy đem cái chết phần đoạn nói về A-la-hán và Bích-chi-phật là sinh nơi trí ngã sinh đã hết. Vì đã chứng được quả Hữu dư y nên sinh nơi trí phạm hạnh đã lập. Vì tất cả phàm phu ngu muội chẳng làm được, bảy hàng học nhân chưa làm xong và tương tục phiền não đã dứt rồi ráo, nên sinh nơi trí việc làm đã xong.

Bạch Thế Tôn! Nói rằng sinh chẳng thọ lấy thân sau, người trí bảo là A-la-hán và Bích-chi-phật chẳng dứt được tất cả phiền não, trí họ chẳng biết rõ tất cả sự thọ sinh. Vì sao? Vì A-la-hán và Bích-chi-phật còn có thừa phiền não chẳng dứt hết nên chẳng biết rõ được tất cả thọ sinh vậy.

Phiền não có hai loại, đó là Trụ địa phiền não và Khởi phiền não.

Trụ địa phiền não có bốn thứ, đó là Kiến nhất xứ trụ địa phiền não, Dục ái trụ địa phiền não, Sắc ái trụ địa phiền não và Hữu ái trụ địa phiền não.

Bạch Thế Tôn! Bốn thứ trụ địa ấy sinh ra tất cả Biến khởi phiền não. Khởi phiền não nghĩa là sát-na sát-na cùng tâm tương ứng.

Bạch Thế Tôn! Vô minh trụ địa từ vô thủy đến nay chẳng tương ứng với tâm.

Bạch Thế Tôn! Sức của bốn trụ địa phiền não làm nơi nương tựa cho Biến khởi phiền não, nhưng sánh với Vô minh địa thì tính toán thí dụ cũng không sao bì kịp.

Đúng vậy, đối với Hữu ái trụ địa phiền não thì sức lực của Vô minh trụ địa rất lớn. Ví như Ma vương và chúng quyến thuộc có sắc lực oai đức hơn hẳn chúng trời Tha hóa tự tại. Cũng vậy, Vô minh trụ địa hơn hẳn bốn trụ địa hằng hà sa số lần, nó làm chỗ nương tựa cho phiền não và cũng làm cho bốn thứ phiền não còn mãi. Trí của Thanh văn và Duyên giác chẳng dứt được Vô minh trụ địa, chỉ có trí của Như Lai mới đoạn trừ hết được.

Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Sức lực của Vô minh trụ địa rất lớn.

Lại như thủ làm duyên nghiệp nhân hữu lậu sinh ra ba cõi, cũng vậy, Vô minh trụ địa làm duyên nghiệp nhân vô lậu sinh ra tùy ý sinh thân của A-la-hán, Bích-chi-phật và đại lực Bồ-tát. Ba bậc này tùy ý sinh thân và nghiệp vô lậu đều lấy Vô minh trụ địa làm chỗ nương tựa, dù là sở duyên nhưng cũng có thể làm duyên. Bạch Thế Tôn! Thế nên tùy ý sinh thân và nghiệp vô lậu đều dùng Vô minh trụ địa làm duyên đồng như Hữu ái trụ địa phiền não.

Bạch Thế Tôn! Hữu ái trụ địa chẳng đồng nghiệp với Vô minh trụ địa. Sự phân ly của Vô minh trụ địa khác với sự phân ly của bốn trụ địa. Khác bốn trụ địa ở đây, chỉ có Phật dứt được hết. Vì sao? Vì A-la-hán và Bích-chi-phật dứt bốn trụ địa mà đối với lậu tận lực chẳng được tự tại, chẳng hiện chứng được. Thế nên A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến các Bồ-tát tối hậu hữu vẫn còn bị Vô minh trụ địa ngăn che, nên đối với tất cả các pháp đều không thấu triệt, không thấy. Vì chẳng biết chẳng thấy nên đáng dứt chẳng dứt, đáng hết chẳng hết. Vì ở nơi các pháp ấy chẳng dứt chẳng hết nên được hữu dư giải thoát mà chẳng phải nhất thiết giải thoát, được hữu dư thanh tịnh mà chẳng phải nhất thiết thanh tịnh, được hữu dư công đức mà chẳng phải nhất thiết công đức.

Bạch Thế Tôn! Vì chỉ được hữu dư nên ở nơi Thánh đế, các bậc ấy biết Khổ hữu dư, dứt Tập hữu dư, chứng Diệt hữu dư và tu Đạo hữu dư.

Nếu còn là biết Khổ hữu dư, dứt Tập hữu dư, chứng Diệt hữu dư và tu Đạo hữu dư, thì gọi là thiếu phần diệt độ, chứng thiếu phần Niết-bàn hưởng đến Niết-bàn giới.

Nếu biết tất cả Khổ, dứt tất cả Tập, chứng tất cả Diệt và tu tất cả Đạo, thì bậc này ở nơi thế gian vô thường, bại hoại chứng được Niết-bàn thường tịch thanh tịnh, bậc này ở nơi thế gian không che chở, không nương tựa làm nơi che chở, nương tựa cho thế gian.

Vì sao? Vì người ở nơi các pháp mà thấy có cao thấp thì chẳng chứng được Niết-bàn. Trí tuệ bình đẳng, giải thoát bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng mới chứng được Niết-bàn. Vì thế nên Niết-bàn gọi là Nhất vị bình đẳng, đó là vị giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Nếu vô minh trụ địa chẳng dứt, chẳng hết thì chẳng chứng được Niết-bàn Nhất vị bình đẳng. Vì sao? Vì vô minh trụ địa chẳng dứt, chẳng hết thì hơn hằng hà sa số những pháp sai lầm sẽ đáng dứt còn chẳng dứt, đáng hết còn chẳng hết. Vì còn hơn hằng hà sa số những pháp sai lầm chẳng dứt chẳng hết nên quá hằng hà sa số các pháp công đức chẳng trọn chẳng chứng được. Thế nên Vô minh trụ địa là nơi sinh ra các tùy phiền não, tất cả pháp lỗi lầm đáng dứt đáng hết. Từ đó sinh ra phiền não chướng tâm, phiền não chướng chỉ, phiền não chướng quán, phiền não chướng tĩn lực, cho đến chướng Tam-ma-đề gia hạnh trí quả chứng mười Lực, bốn Vô sở úy.

Hơn cả hằng hà sa số các phiền não, các khởi phiền não mà trí kim cương Đẳng chánh giác của Như Lai có thể dứt diệt, tất cả đều nương nơi Vô minh trụ địa, vì Vô minh trụ địa làm nhân duyên vậy.

Bạch Thế Tôn! Từ nơi đó khởi lên các phiền não, sát-na sát-na cùng tâm tương ứng. Từ vô thủy đến nay Vô minh trụ địa chẳng tương ứng với tâm.

Bạch Thế Tôn! Ví như tất cả giống của cây cỏ đều nương nơi đại địa mà sinh trưởng, nếu đại địa hư hoại thì chúng nó cũng hư hoại.

Cũng vậy, hơn hằng hà sa số các pháp đáng được dứt diệt bởi được trí Kim cương Đẳng chánh giác của Như Lai đều nương nơi Vô minh trụ địa mà sinh trưởng, nếu Vô minh trụ địa đoạn diệt hết thì các pháp phiền não ấy cũng đoạn diệt hết. Vì hơn hằng hà sa số các pháp đáng đoạn diệt cùng tất cả phiền não và khởi phiền não đã đoạn diệt hết nên chứng được quá hằng hà sa số các pháp chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, ở nơi các pháp chứng được vô ngại thần thông, được các trí kiến, rời lìa tất cả sai lầm, được tất cả công đức, làm Đại Pháp Vương tự tại nơi tất cả pháp, chứng bậc đối với tất cả pháp Nhất thiết pháp tự tại, như Sư tử hống rằng: “Ngã sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng còn thọ thân sau.” Do đó nên Đức Thế Tôn dùng Sư tử hống, y theo ý nghĩa rất ráo mà nói thẳng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Trí chẳng thọ thân sau ấy có hai loại. Những gì là hai?

1. Chư Phật Như Lai dùng sức điều ngự hàng phục bốn ma, ra khỏi các thế gian được các loài hữu tình chiêm ngưỡng, chứng Pháp thân thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn, đối với bậc sở tri được pháp tự tại tối thắng vô thượng, không còn bậc nào cao hơn phải làm, không còn địa vị nào cao hơn để đạt tới nữa, đầy đủ mười Trí lực bước lên bậc Tối thắng vô úy, nơi tất cả pháp quan sát vô ngại như Sư tử hống chẳng thọ thân sau.

2. A-la-hán và Bích-chi-phật khi vượt qua được vô lượng sinh tử đầy sợ hãi, thọ vui giải thoát, tự nghĩ rằng: “Nay ta đã rời lìa sinh tử đầy sợ hãi, không còn nhận chịu các sự khổ.”

Bạch Thế Tôn! Hàng A-la-hán và Bích-chi-phật quan sát như vậy rồi chẳng thọ thân sau, nhưng họ chẳng chứng được Niết-bàn tịch diệt đệ nhất, vì họ ở nơi các bậc chưa chứng đắc, chẳng gặp được pháp để có thể hiểu biết rằng: “Nay ta chứng được bậc Hữu dư y, thì quyết định sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Vì sao? Vì Thanh văn và Duyên giác đều nhập vào Đại thừa, mà Đại thừa là Phật thừa, thế nên Tam thừa tức là Nhất thừa. Người chứng Nhất thừa thì được Vô thượng Bồ-đề. Vô thượng Bồ-đề tức là Niết-bàn. Nói Niết-bàn đây tức là Pháp thân thanh tịnh của Như Lai. Người chứng được Pháp thân tức là Nhất thừa, không khác Như Lai, không khác Pháp thân. Nói Như Lai ấy tức là Pháp thân. Người chứng Pháp thân cứu cánh tức là Nhất thừa cứu cánh. Người được Nhất thừa cứu cánh tức là rời lìa tương tục.

Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai thường trụ không hạn lượng bằng với hậu thế. Như Lai hay dùng đại Bi vô hạn, thệ nguyện vô hạn đem lợi ích lại cho thế gian. Người nói như trên đây thì gọi là lời nói phải.

Nếu lại nói rằng Như Lai là thường còn, là pháp vô tận, là chỗ nương tựa cứu cánh của tất cả thế gian thì cũng là lời nói phải.

Vì thế nên Như Lai đối với thế gian không có sự che chở, không có chỗ nương tựa, làm chỗ quy y vô tận, chỗ quy y thường trụ, chỗ quy y cứu cánh mãi đến về sau.

Nói rằng pháp Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ấy là đạo Nhất thừa, Tăng là chúng tam thừa, hai chỗ quy y này chẳng phải là Cứu cánh quy y mà gọi là Thiếu phần

quy y.

Vì sao? Vì nói đạo Nhất thừa, chứng được Pháp thân cứu cánh rồi sau đó không còn nói đạo Nhất thừa. Chúng Tam thừa vì có nỗi sợ hãi nên quy y Như Lai cầu xuất gia tu học, vì có chỗ tạo tác, hướng đến Vô thượng Bồ-đề. Thế nên Pháp và Tăng chẳng phải chỗ quy y cứu cánh, mà là chỗ quy y hữu hạn.

Nếu các hữu tình được Như Lai điều phục, quy y nơi Như Lai, được thấm nhuần đạo pháp, sinh lòng tin ưa mà quy y nơi Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai sự quy y này do pháp thấm nhuần mà Tín nhập quy y.

Như Lai ấy chẳng phải pháp thấm nhuần tín nhập quy y. Nói Như Lai ấy là Chân thật quy y.

Hai sự quy y kia cứ đối với nghĩa chân thật thì gọi là cứu cánh quy y Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai chẳng khác với hai sự quy y ấy, thế nên quy y Như Lai tức là tam quy y.

Vì sao? Vì nói đạo nhất thừa, là nói Như Lai thành tựu đủ bốn vô sở úy như Sư tử hống.

Nếu chư Như Lai tùy theo sở dục của người mà dùng phương tiện nói pháp Nhị thừa thì đó cũng là Đại thừa. Bởi Đệ nhất nghĩa không có Nhị thừa. Nhị thừa ấy đồng vào Nhất thừa. Nhất thừa ấy tức là Thắng nghĩa thừa.

Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn và Duyên giác khi mới chứng Thánh đế chẳng phải dùng nhất trí mà đoạn trừ các trụ địa phiền não, cũng chẳng phải dùng nhất trí chứng các công đức như tứ biến tri... cũng chẳng phải dùng pháp hay khéo biết rõ nghĩa bốn pháp này.

Bạch Thế Tôn! Nơi trí xuất thế không có bốn trí tuần tự đến, tuần tự duyên. Trí xuất thế không có pháp lần lượt đạt đến, như Kim cang dụ.

Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn và Duyên giác dùng các thứ trí Thánh đế để đoạn trừ các trụ địa, họ lại thấy có trí Xuất thế đệ nhất nghĩa.

Chỉ có Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác dùng trí không tánh chẳng thể nghĩ bàn đoạn diệt được vỏ của tất cả phiền não. Trí đoạn diệt được vỏ phiền não cứu cánh ấy gọi là trí Xuất thế đệ nhất nghĩa, chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn và Duyên giác. Trí Thánh đế sơ khởi chẳng phải trí cứu cánh, mà là trí hướng đến Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Chân Thánh đế nghĩa ấy thì chẳng phải thuộc về Nhị thừa. Vì sao? Vì hàng Thanh văn và Duyên giác chỉ thành tựu được ít phần công đức, mà gọi là Thánh.

Nói rằng Thánh đế ấy chẳng phải là đế của hàng Thanh văn, Duyên giác, và công đức của họ.

Mà Thánh đế này, chỉ có Như Lai giác ngộ được rồi đem diễn nói khai thị cho thế gian, chúng sinh bị vô minh bao phủ, do đây mà gọi là Thánh đế.

Bạch Thế Tôn! Thánh đế này rất sâu, rất vi diệu, khó thấy khó rõ, chẳng thể phân biệt, chẳng phải cảnh giới suy lường, tất cả thế gian chẳng tin hiểu được, chỉ có Như Lai là biết rõ. Vì sao? Vì Thánh đế này nói về Như Lai tạng rất sâu xa, mà Như Lai tạng là cảnh giới Phật, chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Từ nơi Như Lai tạng mà nói Thánh đế nghĩa, Như Lai tạng này rất sâu xa vi diệu, Thánh đế được nói ra ấy cũng rất sâu xa vi diệu. Khó thấy khó, rõ chẳng thể phân biệt, chẳng phải cảnh giới tư lường, tất cả thế gian khó tin hiểu, chỉ có Như Lai mới biết rõ.

Nếu ở nơi Như Lai tạng bị trói buộc bởi vô lượng phiền não mà chẳng nghi hoặc

thì đối với vấn đề Như Lai pháp thân tạng ra khỏi tất cả phiền não cũng không nghi hoặc.

Bạch Thế Tôn! Nếu có ai đối với Như Lai tạng này và đối với Như Lai pháp thân, cảnh giới bí mật không thể nghĩ bàn của Phật mà tâm được cứu cánh, thì đối với hai nghĩa Thánh đế đã nói kia hay tin hay hiểu, hay sinh thắng giải.

Những gì là hai nghĩa Thánh đế? Đó là Hữu tác Thánh đế và Vô tác Thánh đế.

Hữu tác Thánh đế là nghĩa bốn Thánh đế chẳng viên mãn. Vì sao? Vì không phải nhân cái khác mà có thể biết được tất cả Khổ, dứt được tất cả Tập, chứng được tất cả Diệt, tu được tất cả Đạo. Do đó nên chẳng biết hữu vi, vô vi và Niết-bàn.

Vô tác Thánh đế là nói nghĩa bốn Thánh đế viên mãn. Vì sao? Vì có thể dùng sức chính mình biết được tất cả Khổ, dứt được tất cả Tập, chứng được tất cả Diệt, tu được tất cả Đạo.

Như vậy là có tám nghĩa Thánh đế, Như Lai chỉ đem bốn Thánh đế ra nói. Đối với nghĩa của bốn Thánh đế vô tác này chỉ có Đức Như Lai là đạt được kết quả cứu cánh, chẳng phải sức lực của A-la-hán và Bích-chi-phật đạt đến được. Vì sao? Vì chẳng phải các pháp thắng liệt hạ trung thượng mà có thể chứng được Niết-bàn.

Thế nào là Như Lai đối với vô tác Thánh đế đạt được kết quả cứu cánh? Chư Như Lai biết khắp tất cả khổ, dứt hẳn khổ tập bị nhiếp bởi tất cả phiền não và khởi phiền não, chứng được khổ diệt, sở hữu của tất cả khối ý sinh thân và tu tất cả đạo khổ diệt.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải hoại mất pháp mà gọi là khổ diệt. Nói khổ diệt là nói vô thủy, vô tác, vô khởi, vô tận, thường trụ bất động bản tánh thanh tịnh ra khỏi vô phiền não.

Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thành tựu hơn cả hàng hà sa số pháp không thể nghĩ bàn, đủ trí giải thoát gọi là Pháp thân. Pháp thân này chẳng rời xa phiền não thì gọi là Như Lai tạng. Như Lai tạng đây là trí Như Lai không tánh mà tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác chưa hề thấy chưa hề chứng, chỉ có Phật thấy biết rõ và chứng được.

Bạch Thế Tôn! Trí không tánh Như Lai tạng này lại có hai loại, đó là không và bất không Như Lai tạng. Không Như Lai tạng là Như Lai tạng rời lìa nơi trí chẳng giải thoát tất cả phiền não. Bất không Như Lai tạng là Như Lai tạng có hàng hà sa số pháp không thể nghĩ bàn, trí Phật giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Hai thứ không trí này các đại Thanh văn do tin mà được vào. Trí không tánh của tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác đối với cảnh giới bốn diên đảo luôn phan duyên mà chuyển hiện. Do đó nên đối với tất cả khổ diệt ấy, tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác chưa hề thấy chưa hề chứng, chỉ có Phật hiện chứng, đoạn diệt các phiền não, tu tất cả đạo khổ diệt.

Bạch Thế Tôn! Trong bốn Thánh đế, ba vô thường một thường trụ. Vì ba đế nhập vào trong tướng hữu vi, tướng hữu vi là vô thường. Vô thường ấy là pháp hư vọng, pháp hư vọng thì không chân thật, không thường trú, không phải chỗ để nương. Do Đệ nhất nghĩa nên ba đế ấy chẳng phải chân thật, chẳng phải thường trú, chẳng phải chỗ nương tựa.

Bạch Thế Tôn! Một đế khổ diệt lìa xa tướng hữu vi, lìa tướng hữu vi là tánh thường trụ, tánh thường trụ chẳng phải pháp hư vọng, chẳng phải pháp hư vọng là chân thật, là thường trú, là chỗ nương tựa. Do thắng nghĩa nên Khổ diệt đế là chân thật, là thường trú, là chỗ nương tựa.

Khổ diệt đế này không thể nghĩ bàn, vượt quá cảnh giới tâm thức của các hữu tình,

cũng chẳng phải trí của hàng Thanh văn và Duyên giác có thể sánh kịp.

Ví như người sinh ra đã bị mù, chẳng thấy được các màu sắc, trẻ sơ sinh bảy ngày chẳng thấy mặt trời. Cũng vậy, Khổ diệt để chẳng phải cảnh giới sở duyên của tâm thức hàng phàm phu, mà cũng chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn và Duyên giác.

Tâm thức hàng phàm phu có hai biên kiến. Trí của hàng Thanh văn và Duyên giác thì gọi là tịnh trí. Nói biên kiến đó, nghĩa là phàm phu đối với năm thủ uẩn chấp chặt làm ngã rồi sinh ra phân biệt sai khác, đó là thường kiến và đoạn kiến, hai thứ kiến chấp.

Bạch Thế Tôn! Nếu lại có ai thấy sinh tử là vô thường, Niết-bàn là thường, thì chẳng phải kiến chấp đoạn thường mà gọi là chánh kiến.

Vì sao? Vì kẻ kẻ đạt ấy thấy các thân căn và phân biệt tư duy hiện pháp thấy có diệt hoại, với tâm tương tục họ chẳng biết được, là kẻ mù không mắt trí tuệ nên phát khởi đoạn kiến; với tâm tương tục sát-na diệt hoại, họ ngu tối chẳng biết cảnh giới ý thức nên khởi sinh thường kiến. Nhưng những nghĩa ấy vượt quá các phân biệt và kiến thức hạ liệt, do hàng ngu phu vọng sinh ý tưởng khác biệt rồi điên đảo chấp trước cho là đoạn, là thường.

Bạch Thế Tôn! Hàng hữu tình điên đảo đối với năm ấm vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh.

Hàng Thanh văn và Duyên giác có tịnh trí, đối với cảnh giới và Pháp thân của Phật chưa hề thấy được, nhưng vì tin Như Lai nên đối với Như Lai sinh ra ý tưởng là thường, là lạc, là ngã, là tịnh, đây chẳng phải kiến chấp điên đảo mà là chánh kiến. Vì sao? Vì Như Lai pháp thân là Thường ba-la-mật-đa, là Lạc ba-la-mật-đa, là Ngã ba-la-mật-đa, là Tịnh ba-la-mật-đa.

Nếu các hữu tình có kiến giải như trên đây thì gọi là chánh kiến. Nếu là người chánh kiến thì gọi là chân Phật tử, từ miệng Phật sinh, từ chánh pháp sinh, từ pháp hóa sinh, được phần pháp của Phật.

Bạch Thế Tôn! Nói rằng tịnh trí ấy là Trí ba-la-mật-đa của hàng Thanh văn và Duyên giác. Tịnh trí này đối với Khổ diệt để vẫn không phải cảnh giới, huống gì Khổ diệt để là sở hành của bốn trí nhập lưu. Vì sao? Vì hàng Tam thừa sơ nghiệp, nếu không ngu pháp, có thể đối với nghĩa ấy sẽ chứng đắc, giác ngộ.

Bạch Thế Tôn! Do nghĩa gì mà nói bốn nhập lưu?

Bạch Thế Tôn! Bốn nhập lưu này là pháp thế gian. Chỉ có một nhập lưu đối với các nhập lưu là hơn hết là trên hết, bởi Đệ nhất nghĩa là nhập lưu, là quy y, là Khổ diệt để.

Bạch Thế Tôn! Sinh tử ấy nương tựa Như Lai tạng. Do Như Lai tạng nên nói rằng tiền tế chẳng biết được.

Bạch Thế Tôn! Do có Như Lai tạng nên có sinh tử, đây là lời nói phải.

Bạch Thế Tôn! Sinh tử ấy, các thọ căn diệt vô gián tương tục thọ căn kế khởi, gọi đó là sinh tử.

Bạch Thế Tôn! Hai pháp sinh tử là Như Lai tạng, nơi pháp thế tục gọi đó là sinh tử.

Bạch Thế Tôn! Nói rằng tử là các thọ căn diệt và sinh là các thọ căn khởi. Như Lai tạng thì chẳng sinh chẳng tử, chẳng thăng chẳng trụ, rời lìa tướng hữu vi.

Bạch Thế Tôn! Như Lai tạng ấy thường hằng chẳng hoại, nên Như Lai tạng là y, là trì, là kiến lập cho tạng trí chẳng lìa giải thoát và cũng là y, trì, kiến lập cho các pháp

hữu vi trí rời lìa chẳng giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Nếu không có Như Lai tạng thì không có chán khổ vui cầu Niết-bàn. Vì sao? Vì đối với sáu thức này và cảnh sở tri, bầy pháp như vậy không dừng lại ở sát-na nào, không nhận chịu các khổ, không nhằm chán nguyện cầu Niết-bàn. Như Lai tạng ấy là pháp không có tiền tế, không sinh không diệt, pháp nhĩ nhận chịu các khổ, nó là nhằm khổ nguyện cầu Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Như Lai tạng ấy chẳng phải là có ngã nhân chúng sinh, thọ giả. Như Lai tạng ấy chẳng phải là cảnh sở hành của các hữu tình thân kiến, điên đảo và không kiến.

Bạch Thế Tôn! Như Lai tạng ấy là Pháp giới tạng, Pháp thân tạng, Xuất thế gian tạng, tánh thanh tịnh tạng, là Bản tánh thanh tịnh.

Như chỗ con hiểu thì Như Lai tạng ấy dù bị khách trần phiền não làm ô nhiễm vẫn còn là cảnh giới Như Lai không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì trong sát-na từng tâm bất thiện, tâm thiện cùng khách trần phiền não chẳng ô nhiễm được Như Lai tạng. Vì sao? Vì phiền não chẳng chạm đến tâm, mà tâm cũng chẳng chạm đến phiền não. Pháp chẳng chạm xúc làm sao có thể nhiễm được tâm.

Bạch Thế Tôn! Vì có phiền não nên có tâm tùy nhiễm. Tùy theo phiền não nhiễm ấy khó hiểu khó rõ. Chỉ có Phật Thế Tôn là mắt, là trí, là cội rễ pháp, là tôn thượng, là Đạo Sư, là chỗ nương tựa của chánh pháp mới như thực thấy biết thôi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Thắng Man phu nhân:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời người vừa nói. Tánh thanh tịnh tâm tùy theo phiền não nhiễm khó rõ biết được.

Này Thắng Man! Còn có hai thứ pháp khó rõ biết được, đó là tánh thanh tịnh tâm khó rõ biết được và tâm ấy bị phiền não ô nhiễm cũng khó rõ biết được. Hai pháp này, người và Bồ-tát thành tựu đại pháp mới có thể nghe hiểu nhận lãnh. Các hàng Thanh văn do nơi tín tâm mà hiểu được.

Này Thắng Man! Nếu các đệ tử ta, người có tăng thượng tín tâm tùy thuận pháp trí thì ở nơi pháp này mà được cứu cánh.

Thuận pháp trí là quán sát căn thức và cảnh, quán sát nghiệp báo, quán sát trạng thái miên man của A-la-hán, quán sát tâm tự tại ưa thích thiền duyệt, quán sát Thánh thần thông biến của Thanh văn và Duyên giác, do thành tựu năm pháp quán sát thiện xảo này nên hiện tại và vị lai các hàng Thanh văn đệ tử do nơi tăng thượng tín tâm tùy thuận pháp trí khéo hiểu rõ được tánh thanh tịnh tâm bị phiền não ô nhiễm mà được cứu cánh.

Này Thắng Man! Cứu cánh này là nhân của Đại thừa, nay người nên biết! Người tin Như Lai thì đối với pháp sâu xa, vi diệu chẳng sinh lòng phỉ báng.

Thắng Man phu nhân bạch:

–Bạch Thế Tôn! Còn có các nghĩa hay đem lại nhiều lợi ích, con sẽ nương sức oai thần của Đức Phật mà diễn nói các ý nghĩa ấy.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Nay cho phép người nói.

Thắng Man phu nhân nói:

–Có ba hạng thiện nam, thiện nữ đối với pháp sâu xa, vi diệu rời bỏ sự tự phá hoại, sinh nhiều công đức vào đạo Đại thừa:

1. Người thành tựu sâu xa pháp trí.

2. Người thành tựu tùy thuận pháp trí.

3. Người đối với pháp sâu xa này chẳng hiểu rõ được, mà kính tôn Đức Như Lai, chỉ có Đức Phật mới biết được, đây chẳng phải cảnh giới của mình.

Trừ ba hạng người này, các hữu tình khác đối với pháp sâu xa, vì diệu tùy theo chỗ mình nắm lấy mà chấp trước vọng thuyết, chống trái chánh pháp, huân tập chủng tử hủ bại các ngoại đạo. Dù họ ở phương khác cũng phải đến đó điều phục những kẻ hủ bại ấy. Tất cả trời, người phải cùng nhau điều phục họ.

Nói lời ấy xong, Thắng Man phu nhân và các quyến thuộc đánh lễ chân Phật.

Đức Phật khen rằng:

–Lành thay! Thắng Man đối với pháp sâu xa, vì diệu phương tiện bảo vệ, hàng phục oán địch, khéo có thể thông đạt. Người đã gần gũi trăm ngàn câu-chi chư Phật Như Lai nên có thể nói được nghĩa ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng quang minh thù thắng chiếu khắp đại chúng, hiện thân lên hư không cao bảy cây Đa-la, dùng sức thần thông chân bước trên hư không trở về thành Xá-vệ.

Thắng Man phu nhân và các quyến thuộc chấp tay hướng về Đức Như Lai chiêm ngưỡng không chán, mắt không tạm rời cho đến khi quá tầm nhìn, tất cả đều vui mừng hớn hở cùng nhau ca ngợi công đức của Như Lai và đồng nhất tâm niệm Phật, trở về thành Vô đầu khuyên vua Hữu Xưng kiến lập Đại thừa. Nữ nhân trong thành từ bảy tuổi trở lên đều được Thắng Man phu nhân đem Đại thừa giáo hóa. Vua Hữu Xưng cũng đem Đại thừa giáo hóa các nam tử từ bảy tuổi trở lên. Nhân dân cả nước đều học pháp Đại thừa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào rừng Thệ-đa gọi Tôn giả A-nan và nghĩ đến Thiên đế Thích. Ứng theo tâm nghĩ của Phật, Thiên đế Thích cùng quyến thuộc chư Thiên đều đến chỗ Đức Phật.

Đức Thế Tôn bảo Thiên đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Ông nên thọ trì kinh này rồi diễn thuyết khai thị cho chư Thiên cõi Dao-lợi để họ được an lạc.

Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả A-nan:

–Ông cũng thọ trì vì hàng bốn chúng mà phân biệt diễn thuyết.

Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này sẽ đặt tên là gì và phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Kinh này thành tựu vô lượng, vô biên công đức, năng lực của Thanh văn và Duyên giác đều không quán sát rốt ráo được huống là các hữu tình khác. Nên biết rằng kinh này là khối đại công đức rất sâu xa vi diệu. Nay sẽ vì ông mà nói lược tên kinh. Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ nhớ lấy!

Thiên đế Thích và Tôn giả A-nan đồng bạch:

–Lành thay! Đức Thế Tôn! Kính vâng thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Kinh này tán thán Như Lai chân thật công đức, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về mười điều hoằng thệ không thể nghĩ bàn, phải thọ trì như vậy. Kinh này dùng một đại nguyện nhiếp tất cả nguyện, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về nhiếp thọ chánh pháp không thể nghĩ bàn, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về sự hội nhập Nhất thừa, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về vô biên tế, phải thọ trì như vậy. Kinh

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

này nói về Như Lai tạng, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về Phật pháp thân, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về nghĩa không tánh che ẩn chân thật, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về nghĩa một Thánh đế, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về một sở y thường trụ bất động tịch tĩnh, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về điên đảo chân thật, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về tự tánh thanh tịnh tâm bị phiền não che ẩn, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về chân Phật tử, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về Thắng Man phu nhân chánh sư tử hống, phải thọ trì như vậy.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Những điều kinh này giảng nói dứt tất cả nghi hoặc, quyết định liễu nghĩa nhập vào đạo Nhất thừa.

Này Kiều-thi-ca! Nay đem kinh Thắng Man phu nhân sư tử hống đã được nói đây giao phó cho người mãi đến thời gian chánh pháp còn tồn tại, nên đem diễn thuyết khai thị khắp mười phương.

Thiên đế Thích bạch:

–Lành thay, Đức Thế Tôn! Kính vâng thọ giáo.

Bấy giờ Thiên đế Thích, Tôn giả A-nan và các chúng trong đại hội, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

